

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Tên chương trình	: Dược
Trình độ đào tạo	: Cao đẳng
Ngành đào tạo	: Dược
Tên Tiếng Anh	: Pharmacy
Loại hình đào tạo	: Chính quy – hệ tín chỉ
Mã số	: C900107

(Ban hành kèm theo Quyết định số. 148/QĐ – ĐT, ngày 09.tháng 06.năm 2014
của Hiệu trưởng trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

1.1. Kiến thức

1.1.1. Kiến thức chung

Có hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin, đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh; có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực Khoa học xã hội và Khoa học tự nhiên để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ.

1.1.2. Kiến thức chuyên ngành

Có đủ kiến thức khoa học cơ bản và y dược học cơ sở. Có kiến thức chuyên môn cơ bản trong sản xuất, kiểm nghiệm, tồn trữ, phân phối và tư vấn sử dụng thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng. Nắm vững các quy định của pháp luật và chính sách liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khoẻ nhân dân. Có phương pháp luận khoa học trong các công tác chuyên môn và nghiên cứu.

1.1.3. Kiến thức bổ trợ

Đạt trình độ TOEIC350 về tiếng Anh hoặc các chứng chỉ tương đương, đạt trình độ A về tin học, Kỹ năng giải quyết vấn đề, Kỹ năng quản lý thời gian, Kỹ năng tư duy hiệu quả và sáng tạo.

1.2. Kỹ năng

- Tổ chức được và thực hành tốt trong các lĩnh vực: sản xuất, kiểm nghiệm, tồn trữ, phân phối và tư vấn sử dụng đối với nguyên liệu làm thuốc, các dạng thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng.

- Thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các quy định, pháp luật về dược.
- Xây dựng và triển khai kế hoạch về công tác dược trong các cơ sở y tế, cộng đồng và trong các chương trình y tế quốc gia.
- Hướng dẫn, tư vấn chuyên môn dược cho các thành viên y tế khác.
- Thông tin thuốc và tham gia giáo dục cộng đồng về thuốc. .

1.3. Thái độ

Tận tụy, có trách nhiệm trong hành nghề, vì sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân; Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp; Coi trọng việc kết hợp y-dược học hiện đại với y-dược học cổ truyền. Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp. Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ..

1.4. Cơ hội nghề nghiệp, vị trí, khả năng làm việc và học tập sau khi tốt nghiệp

Đảm nhiệm các vị trí công tác dược tại nhà thuốc, công ty dược, khoa dược bệnh viện, nhà máy dược phẩm, trường đại học, viện nghiên cứu.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 3 năm.

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 113 tín chỉ

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

- Chương trình đào tạo được thực hiện trong 3 năm, với 9 kỳ, trong đó 7 học kỳ tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng tại cơ sở đào tạo và 1 kỳ thực tập tại các địa phương và cơ sở, 01 kỳ làm khóa luận hoặc học các học phần thay thế.

- Sinh viên được đào tạo theo loại hình chính quy áp dụng theo Quy chế 43/2007 của Bộ giáo dục và Quy định 388/2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Nguyễn Tất Thành.

6. THANG ĐIỂM

Thang điểm 10

Điểm học phần làm tròn đến 1 chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

a. Loại đạt:

A – (8,5 -> 10)	: GIỎI.
B – (7.0 -> 8,4)	: KHÁ
C – (5,5 -> 6,9)	: TRUNG BÌNH
D – (4.0 -> 5,4)	: TRUNG BÌNH YẾU.

b. Loại không đạt:

F – (dưới 4.0)	: KÉM.
-----------------	--------

Tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chung của mỗi học phần phải được quy đổi sang điểm số như sau (điểm hệ 4):

- A tương ứng với 4.
- B tương ứng với 3.
- C tương ứng với 2.
- D tương ứng với 1.
- F tương ứng với 0.

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

7.1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: 32 tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

7.1.1. Lý luận Triết học Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh: 10 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
1	070010	NLCB của chủ nghĩa Mác – Lênin	5	75	0	
2	070018	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	070010(a)
3	070002	ĐLCM của ĐCS Việt Nam	3	45	0	070010(a)
		Tổng	10	150	0	

7.1.2. Khoa học xã hội – nhân văn nghệ thuật: 4 tín chỉ

7.1.2.1. Kiến thức bắt buộc: 2 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
4	070011	Pháp luật đại cương	2	30	0	
		Tổng	2	30	0	

7.1.2.2. Kiến thức tự chọn: 2 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
5	070006	Kỹ năng giao tiếp	2	30	0	
6	071350	Logic học	2	30	0	

7.1.3. Ngoại ngữ: 12 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
7	000047	Anh văn giao tiếp 1	3	30	30	
8	000048	Anh văn giao tiếp 2	3	30	30	000047(a)
9	001795	TOEIC 1	3	30	30	000048(a)
10	001796	TOEIC 2	3	30	30	001795(a)
		Tổng	12	120	120	

7.1.4. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên: 6 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
11	001868	Vật lý đại cương	2	30	0	

12	001030	Xác suất thống kê	2	30	0	
13	001760	Tin học văn phòng 1	2	0	60	
		Tổng	6	60	60	

7.1.5. Giáo dục thể chất

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
14	070023	Giáo dục thể chất	5	15	90	
		Tổng	5	15	90	

7.1.6. Giáo dục quốc phòng

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
15	070022	Giáo dục quốc phòng	8	90	30	
		Tổng	8	90	30	

7.2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP: 81 tín chỉ

7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành: 25 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
16	000670	Hóa vô cơ	3	45	0	
17	073038	Sinh học di truyền - Dược	2	30	0	
18	071751	Thực hành dược khoa 1 (Hoá - Hoá dược)	1	0	30	
19	000569	Giải phẫu sinh lý - Dược	3	45	0	
20	000671	Hóa vô cơ - Thực hành	1	0	30	000670(a)
21	071752	Thực hành dược khoa 2 (Dược liệu - Bào chế)	1	0	30	
22	000574	Giải phẫu sinh lý - Dược - Thực hành	1	0	30	000569(a)
23	000663	Hóa hữu cơ	2	30	0	000670(a)
24	000679	Hóa phân tích	2	30	0	000670(a)
25	001899	Vì sinh - Ký sinh trùng - Dược	2	30	0	
26	000664	Hóa hữu cơ - Thực hành	1	0	30	000663(a)
27	000680	Hóa phân tích - Thực hành	1	0	30	000679(a)
28	001903	Vì sinh - Ký sinh trùng - Dược - Thực hành	1	0	30	001899(a)
29	032006	Hóa sinh - Dược	2	30	0	
30	000076	Bệnh học	2	30	0	000569(a)
		Tổng	25	270	210	

7.2.2. Kiến thức chuyên ngành: 46 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
-----	-------	--------------	----	----	----	---------

31	001697	Thực vật dược	3	45	0	
32	000060	Bào chế	3	45	0	
33	000553	Dược liệu	3	45	0	001697(a)
34	000646	Hóa dược	3	45	0	000679(a)
35	001698	Thực vật dược - Thực hành	1	0	30	001697(a)
36	000032	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	45	0	
37	000061	Bào chế - Thực hành	1	0	30	000060(a)
38	000556	Dược liệu - Thực hành	1	0	30	000553(a)
39	000557	Dược lý 1	3	45	0	000646(a)
40	000647	Hóa dược - Thực hành	1	0	30	000646(a)
41	001293	Pháp luật - Tổ chức quản lý dược	2	30	0	
42	000558	Dược lý 2 - Thực hành	1	0	30	
43	000559	Dược lý 2	2	30	0	000557(a)
44	000796	Kiểm nghiệm thuốc	2	30	0	000679(a)
45	000828	Kinh tế dược	2	15	30	
46	001050	Marketing dược	2	15	30	
47	001291	Pháp chế dược	2	30	0	
48	001353	Quản lý tồn trữ thuốc	2	30	0	
49	000380	Đảm bảo chất lượng thuốc	2	15	30	000060(a)
50	000550	Dược lâm sàng	2	30	0	000559(a)
51	000797	Kiểm nghiệm thuốc - Thực hành	2	0	60	000796(a)
52	001354	Quản lý tồn trữ thuốc - Thực hành	1	0	30	001353(a)
53	001376	Quản trị kinh doanh dược	2	30	0	000828(a)
		Tổng	46	525	330	

7.2.3. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp (hoặc học phần thay thế): 10 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
54	001692	Thực tập tốt nghiệp - Dược	5	0	150	
55	071760	Khóa luận tốt nghiệp	5	75	0	
Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp						
56	071753	Chuyên đề Bào chế	2	30	0	
57	071754	Chuyên đề Dược lâm sàng	2	30	0	000550(a)
58	071755	Chuyên đề Dược lý	2	30	0	000559(a)
59	071756	Chuyên đề Hoá dược	2	30	0	
60	071757	Chuyên đề Kiểm nghiệm	2	30	0	

61	071758	Chuyên đề Pháp chế dược	2	30	0	
62	071759	Đồ án chuyên ngành	3	45	0	
63	071761	Phương pháp nghiên cứu dược liệu	2	30	0	000553(a)

Ghi chú: TC: số tín chỉ; LT: số tiết lý thuyết; TH: số tiết thực hành, thí nghiệm, giải bài tập, thảo luận; (a): học phần trước; (b): học phần tiên quyết; (c): học phần song hành.



8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (DỰ KIẾN): Các học phần Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất được tổ chức giảng dạy theo lịch riêng.

STT	Mã môn học	Tên môn học	Mã học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH	Điều kiện ràng buộc
Học kỳ 1				15	195	60	
Học phần bắt buộc				15	195	60	
1	000047	Anh văn giao tiếp 1	0201000047	3	30	30	
2	000670	Hóa vô cơ	0201000670	2	30	0	
3	001868	Vật lý đại cương	0201001868	2	30	0	
4	070010	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	0201070010	5	75	0	
5	73038	Sinh học di truyền - Dược	0201070236	2	30	0	
6	071751	Thực hành dược khoa 1 (Hoá - Hoá dược)	0201071751	1	0	30	
Học kỳ 2				15	180	90	
Học phần bắt buộc				15	180	90	
1	000048	Anh văn giao tiếp 2	0201000048	3	30	30	000047(a)
2	000569	Giải phẫu sinh lý - Dược	0201000569	3	45	0	
3	000671	Hóa vô cơ - Thực hành	0201000671	1	0	30	000670(a)
4	001030	Xác suất thống kê	0201001030	2	30	0	
5	070002	Đường lối Cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	0201070002	3	45	0	070010(a)
6	070011	Pháp luật đại cương	0201070011	2	30	0	
7	071752	Thực hành dược khoa 2 (Dược liệu - Bào chế)	0201071752	1	0	30	
Học kỳ 3				8	60	120	
Học phần bắt buộc				6	30	120	
1	000574	Giải phẫu sinh lý - Dược - Thực hành	0201000574	1	0	30	000569(a)
2	001760	Tin học văn phòng 1	0201001760	2	0	60	
3	001795	TOEIC1	0201001795	3	30	30	000048(a)
4	070022	Giáo dục quốc phòng	0201070022	8	90	30	
5	070023	Giáo dục thể chất	0201070023	5	15	90	
Học phần tự chọn				2	30	0	
1	070006	Kỹ năng giao tiếp	0201070006	2	30	0	
2	071350	Logic học	0201071350	2	30	0	
Học kỳ 4				14	195	30	
Học phần bắt buộc				14	195	30	
1	000663	Hóa hữu cơ	0201000663	2	30	0	000670(a)
2	000679	Hóa phân tích	0201000679	2	30	0	000670(a)
3	001697	Thực vật dược	0201001697	3	45	0	
4	001796	TOEIC2	0201001796	3	30	30	001795(a)
5	001899	Vi sinh - Ký sinh trùng - Dược	0201001899	2	30	0	
6	070018	Tư tưởng Hồ Chí Minh	0201070018	2	30	0	070010(a)

Học kỳ 5				15	165	120	
Học phần bắt buộc				15	165	120	
1	000060	Bào chế	0201000060	3	45	0	
2	000553	Dược liệu	0201000553	3	45	0	001697(a)
3	000646	Hóa dược	0201000646	3	45	0	000679(a)
4	000664	Hóa hữu cơ - Thực hành	0201000664	1	0	30	000663(a)
5	000680	Hóa phân tích - Thực hành	0201000680	1	0	30	000679(a)
6	001698	Thực vật dược - Thực hành	0201001698	1	0	30	001697(a)
7	001903	Vi sinh - Ký sinh trùng - Dược - Thực hành	0201001903	1	0	30	001899(a)
8	032006	Hóa sinh - Dược	0201032006	2	30	0	
Học kỳ 6							
Học phần bắt buộc				13			
1	000032	Tiếng Anh chuyên ngành 1	0201000032	3	45	0	
2	000061	Bào chế - Thực hành	0201000061	1	0	30	000060(a)
3	000076	Bệnh học	0201000076	2	30	0	000569(a)
4	000556	Dược liệu - Thực hành	0201000556	1	0	30	000553(a)
5	000557	Dược lý 1	0201000557	3	45	0	000646(a)
6	000647	Hóa dược - Thực hành	0201000647	1	0	30	000646(a)
7	001293	Pháp luật - Tổ chức quản lý dược	0201001293	2	30	0	
Học kỳ 7				13	150	90	
Học phần bắt buộc				13	150	90	
1	000558	Dược lý 2 - Thực hành	0201000558	1	0	30	
2	000559	Dược lý 2	0201000559	2	30	0	000557(a)
3	000796	Kiểm nghiệm thuốc	0201000796	2	30	0	000679(a)
4	000828	Kinh tế dược	0201000828	2	15	30	
5	001050	Marketing dược	0201001050	2	15	30	
6	001291	Pháp chế dược	0201001291	2	30	0	
7	001353	Quản lý tồn trữ thuốc	0201001353	2	30	0	
Học kỳ 8				14	75	270	
Học phần bắt buộc				14	75	270	
1	000380	Đảm bảo chất lượng thuốc	0201000380	2	15	30	000060(a)
2	000550	Dược lâm sàng	0201000550	2	30	0	000559(a)
3	000797	Kiểm nghiệm thuốc - Thực hành	0201000797	2	0	60	000796(a)
4	001354	Quản lý tồn trữ thuốc - Thực hành	0201001354	1	0	30	001353(a)
5	001376	Quản trị kinh doanh dược	0201001376	2	30	0	000828(a)
6	001692	Thực tập tốt nghiệp - Dược	0201001692	5	0	150	
Học kỳ 9				5	75	0	
Học phần bắt buộc				0	0	0	
Học phần tự chọn				5	75	0	
1	071753	Chuyên đề Bào chế	0201071753	2	30	0	
2	071754	Chuyên đề Dược lâm sàng	0201071754	2	30	0	000550(a)
3	071755	Chuyên đề Dược lý	0201071755	2	30	0	000559(a)

4	071756	Chuyên đề Hoá dược	0201071756	2	30	0	
5	071757	Chuyên đề Kiểm nghiệm	0201071757	2	30	0	
6	071758	Chuyên đề Pháp chế dược	0201071758	2	30	0	
7	071759	Đồ án chuyên ngành	0201071759	3	45	0	
8	071760	Khóa luận tốt nghiệp	0201071760	5	75	0	
9	071761	Phương pháp nghiên cứu dược liệu	0201071761	2	30	0	000553(a)

9. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN

Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin: 5 (75, 0, 150)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần nghiên cứu hệ thống quan điểm và học thuyết khoa học của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin gồm ba bộ phận lý luận cơ bản, có mối liên hệ thống nhất biện chứng với nhau, đó là: Triết học Mác-Lênin; Kinh tế chính trị Mác-Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học. - Ngoài chương mở đầu, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 3 phần, 9 chương - Phần thứ nhất: Thế giới quan và phương pháp luận triết học của Chủ nghĩa Mác- Lênin - Phần thứ 2: Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác- Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa - Phần thứ 3: Lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về Chủ nghĩa xã hội.

Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin)

Nội dung: Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.

Đường lối cách mạng Đảng cộng sản Việt Nam: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Đảng cộng sản Việt Nam, hiểu được sự ra đời cũng như quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng qua hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc, lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH từ đó góp nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng trong thời kì mới. Nội dung học phần bao gồm: các khái niệm về Đảng cộng sản Việt Nam, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Đảng, quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng qua từng giai đoạn lịch sử...

Pháp luật đại cương: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần Pháp luật đại cương nghiên cứu những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật. Học phần giải quyết các vấn đề lý luận chung nhất về nhà nước và pháp luật:

Nguồn gốc, bản chất, các kiểu, chức năng, vai trò của nhà nước và pháp luật; bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam. Các khái niệm; một số nội dung cơ bản về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý và các ngành luật cơ bản của hệ thống pháp luật.

Logic học: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần này gồm có 6 chương: Chương 1: Đại cương về logic học. Chương 2: Khái niệm. Chương 3: Phán đoán. Chương 4: Suy luận. Chương 5: Chứng minh, bác bỏ và ngụy biện. Chương 6: Những quy luật cơ bản của tư duy.

Kỹ năng giao tiếp: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp những kiến thức về giao tiếp trong cuộc sống nói chung và công việc nói riêng. Học phần Kỹ năng Giao tiếp giới thiệu cho sinh viên những nguyên lý giao tiếp hiệu quả, để từ đó ứng dụng các nguyên lý này vào các kỹ năng viết và nói. Cụ thể sinh viên sẽ biết vận dụng các nguyên lý giao tiếp hiệu quả vào việc đón tiếp khách, trực tiếp hay qua điện thoại, biết soạn email hay các loại thư giao dịch. Sinh viên cũng sẽ biết làm việc theo nhóm, biết chuẩn bị một bài thuyết trình và biết thuyết trình trước lớp. Sinh viên cũng sẽ học chuẩn bị một bộ hồ sơ xin việc hiệu quả.

Anh văn giao tiếp 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần Anh văn giao tiếp 1 được giảng dạy cho sinh viên trình độ Cao đẳng gồm 15 module của giáo trình New Cutting Edge Elementary từ bài 3 đến 12 kết hợp học online với nội dung do Trung tâm Ngoại ngữ (TTNN) biên soạn. Nội dung chủ yếu ôn lại và củng cố cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh cơ bản đồng thời phát triển các kỹ năng tiếng Anh để chuẩn bị cho các cấp lớp cao hơn sau này.

Anh văn giao tiếp 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Anh văn giao tiếp 1)

Nội dung: Học phần Anh văn giao tiếp 2 được giảng dạy cho sinh viên hệ Cao đẳng gồm 10 bài của New Cutting Edge Pre-inter kết hợp học online với nội dung do TTNN biên soạn. Cấp học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh cơ bản ở mức độ nâng cao, giúp sinh viên tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thông thường bằng tiếng Anh. Ngoài ra, các kỹ năng được củng cố và nâng cao trong phần học online do TTNN biên soạn.

TOEIC 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Anh văn giao tiếp 2)

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh cơ bản bao gồm từ vựng, ngữ pháp, kỹ năng đọc hiểu và nghe hiểu. Đồng thời, nội dung giảng dạy kết hợp vừa lý thuyết và thực hành tập trung vào 2 kỹ năng Nghe và Đọc của nội dung bài thi TOEIC nhằm giúp sinh viên luyện tập và làm quen với bài thi TOEIC cũng như kỹ năng tiếng Anh trong môi trường làm việc quốc tế sau khi ra trường. Ngoài nội dung trong sách, SV được học online với nội dung do TTNN biên soạn giúp SV củng cố và hoàn thiện các kỹ năng, đặc biệt là các kỹ năng trong bài thi TOEIC.

TOEIC 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (TOEIC 1)

Nội dung: Củng cố, tiếp tục và nâng cao cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh cơ bản bao gồm từ vựng, ngữ pháp, kỹ năng đọc hiểu và nghe hiểu. Đồng thời, nội dung giảng dạy kết hợp vừa lý thuyết và thực hành tập trung vào 2 kỹ năng Nghe và Đọc của nội dung bài thi TOEIC do TTNN biên soạn học online nhằm giúp sinh viên luyện tập và làm quen với bài thi TOEIC cũng như kỹ năng tiếng Anh trong môi trường làm việc quốc tế sau khi ra trường.

Giáo dục thể chất: 5 (15, 90, 75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần Giáo dục thể chất bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Huấn luyện cho người học những kiến thức cơ bản về thể thao quần chúng và thể thao quân sự bao gồm: Hiểu biết nguyên tắc, phương pháp huấn luyện thể lực, luật và tổ chức thi đấu một số môn thể thao.

Giáo dục Quốc phòng: 8 (90, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Nội dung học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh gồm các nội dung ban hành tại Thông tư số 31/2012/TT- BGDDĐT, ngày 12/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần này chi tiết gồm những nội dung kiến thức sau đây: Trang bị những kiến thức cơ bản về Đường lối quân sự của Đảng; Công tác quốc phòng, an ninh; Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)

Vật lý đại cương: 2 (30, 0 ,60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Nhằm nghiên cứu các dạng vận động vật lý và các qui luật của nó trong thế giới tự nhiên. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vật lý trong các lĩnh vực : Cơ học, Vật lý phân tử và nhiệt động lực học và cuối cùng là quang học nhằm ứng dụng trong nghiên cứu và sử dụng các thiết bị kỹ thuật để chẩn đoán và điều trị bệnh trong lĩnh vực y học.

Xác suất thống kê: 2 (30, 0 ,60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Lý thuyết xác suất thống kê giới thiệu các kiến thức bao gồm: lý thuyết xác suất, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu và các bài toán cơ bản của thống kê như ước lượng, kiểm định giả thuyết, hồi qui và tương quan.

Tin học văn phòng 1: 2 (0, 60, 30)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Kỹ năng bàn phím máy tính, Đại cương về Tin học, CNTT & TT, hệ thống tính toán số học; Sử dụng máy tính với Hệ điều hành Windows, các phần mềm ứng dụng cơ bản Paint, Internet, MS Word, MS Excel...

Hóa vô cơ: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Hóa vô cơ là học phần cơ sở nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức hóa học: Các khái niệm và định luật cơ bản về hoá học và những kỹ năng thực hành cơ bản về hóa học. Với những kiến thức này, học viên có thể áp dụng trong việc học những môn chuyên ngành liên quan tiếp theo.. Trang bị những kiến thức về các loại hợp chất vô cơ quan trọng liên quan đến ngành Dược có ứng dụng trong kiểm nghiệm các chất.

Sinh học di truyền - Dược: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Thành phần cấu tạo của tế bào. Sự vận chuyển các chất qua màng tế bào. Cấu trúc cơ bản & chức năng của các đại phân tử sinh học: ADN, ARN & protein. Các quá trình sinh học cơ bản ở cấp độ phân tử: sao chép, phiên mã & dịch mã.

Thực hành dược khoa 1 (Hóa – Hóa dược): 1 (0, 30, 15)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Thực hành Nhận Thức Hóa Dược là một phần trong học phần Thực hành Dược khoa 1, nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành, giúp sinh viên bước đầu làm quen với ngành Dược. Hình dung được những kiến thức chuyên ngành cần được tích lũy trong những năm học trong trường và công việc của người Dược sĩ trong tương lai.

Giải phẫu sinh lý – Dược: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Giới thiệu cấu tạo giải phẫu và hoạt động chức năng của các cơ quan, hệ thống cơ quan (máu, tuần hoàn, hô hấp., nội tiết...). Cơ chế điều hoà hoạt động chức năng của các cơ quan trong cơ thể. Mô tả các rối loạn hoạt động chức năng của các cơ quan trong cơ thể và mối liên quan giữa các cơ quan trong cơ thể và giữa cơ thể với các yếu tố bên ngoài.

Hóa vô cơ – thực hành: 1 (0, 30, 15)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Hóa vô cơ)

Nội dung: Mô tả vắn tắt nội dung học phần: Hóa vô cơ là học phần cơ sở nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức hóa học: Các khái niệm và định luật cơ bản về hoá học và

những kỹ năng thực hành cơ bản về hóa học. Với những kiến thức này, học viên có thể áp dụng trong việc học những môn chuyên ngành liên quan tiếp theo.. Trang bị những kiến thức về các loại hợp chất vô cơ quan trọng liên quan đến ngành Dược có ứng dụng trong kiểm nghiệm các chất.

Thực hành dược khoa 2 (Dược liệu – Bào chế): 1 (0, 30, 15)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Giới thiệu về những kỹ năng cơ bản trong nghiên cứu dược liệu. Nhận biết và hướng dẫn sử dụng được các vị thuốc thường dùng.

Giải phẫu sinh lý – Dược – thực hành: 1 (0, 30, 15)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Giải phẫu sinh lý – Dược)

Nội dung: Giải phẫu sinh lý người là một ngành của sinh vật học, cơ sở của Y- Dược học. nghiên cứu về sự điều hòa chức năng của các cơ quan đảm bảo cơ thể được tồn tại, phát triển một cách bình thường và thích ứng được sự biến đổi của môi trường. Kết quả nghiên cứu môn học này sẽ là cơ sở giải thích những hoạt động của cơ thể trong tình trạng bình thường và bệnh lý, từ đó có thể đề xuất những biện pháp nhằm đảm bảo và nâng cao sức khỏe con người.

Hóa hữu cơ: 2 (30, 0 ,60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Hóa vô cơ)

Nội dung: Học phần Hóa hữu cơ cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các hiệu ứng điện tử, hiệu ứng lập thể; về cơ chế phản ứng, đồng phân; về các nhóm định chức chính: danh pháp, điều chế, hóa tính, ứng dụng trong dược.

Hóa phân tích: 2 (30, 0 ,60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Hóa vô cơ)

Nội dung: Nội dung môn học gồm 2 phần: Phần 1: Cung cấp cho sinh viên kiến thức về phân tích định lượng bằng phép đo thể tích và đo khối lượng: phương pháp acid-base, tạo phức, oxy hoá - khử, kết tủa, khối lượng. Phần 2: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức đại cương về nguyên lý, ứng dụng các phương pháp quang phổ, sắc ký vào phân tích thuốc.

Vi sinh – Ký sinh trùng – Dược: 2 (30, 0 ,60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Trình bày cấu tạo tế bào vi khuẩn, virus. Nêu được đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh, phương pháp chẩn đoán và phòng một số bệnh nhiễm trùng thường gặp. Mô tả được các đặc điểm về cấu tạo, chu kỳ và tác hại của một số ký sinh trùng và vi nấm thường gặp.

Hóa hữu cơ – Thực hành: 1 (0, 30, 15)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Hóa hữu cơ)

Nội dung: Học phần Hóa hữu cơ - thực hành cung cấp cho sinh viên những kỹ năng, kỹ thuật cơ bản trong phòng thí nghiệm hóa, nhận biết và sử dụng được dụng cụ, thiết bị, máy móc cơ bản.

Hóa phân tích – Thực hành: 1 (0, 30, 15)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Hóa phân tích)

Nội dung: Nội dung học phần gồm hai phần: Phần 1: Trang bị cho sinh viên các kỹ năng về kỹ thuật chuẩn độ (acid - base, oxy hóa - khử, tạo tủa, tạo phức). Phần 2: Trang bị cho sinh viên các nguyên tắc cơ bản của các phương pháp phân tích hiện đại (UV - VIS, sắc ký lớp mỏng, chuẩn độ điện thế)

Vi sinh – Ký sinh trùng – Dược – Thực hành: 1 (0, 30, 15)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Vi sinh – Ký sinh trùng – Dược)

Nội dung: Thực hành được các thao tác vi sinh cơ bản, nhận định sơ bộ các vi khuẩn gây bệnh phổ biến và thực hiện thử nghiệm kháng sinh. Thực hành quan sát ký sinh trùng sốt rét, vi nấm và một số giun sán gây bệnh thường gặp.

Hóa sinh - Dược: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần Hóa sinh cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cấu tạo, cơ chế tác dụng sinh học và quá trình chuyển hoá của các chất tham gia vào hoạt động sống của cơ thể: protid, glucid, lipid, enzym, hormon ... Học phần còn trang bị cho sinh viên những kiến thức về quá trình chuyển hóa xảy ra ở mô, ở các cơ quan chủ yếu trong cơ thể.

Bệnh học: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Giải phẫu sinh lý – Dược)

Nội dung: Tập trung vào những bệnh thường gặp ở hệ cơ quan tương ứng nội dung giảng dạy môn dược lý, dược lâm sàng. Nhận định được triệu chứng lâm sàng và một số kết quả xét nghiệm một số bệnh và thuốc điều trị một số bệnh thường gặp.

Thực vật dược: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức đại cương về thực vật học, mô tả các cơ quan sinh dưỡng, sinh sản của thực vật. Học phần còn trang bị cho sinh viên về nguyên tắc chung và phương pháp để phân loại thực vật.

Bào chế: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Nghiên cứu về cơ sở lý thuyết và kỹ thuật thực hành về pha chế. Sản xuất, kiểm tra chất lượng, đóng gói. Bảo quản các dạng thuốc và các chế phẩm bào chế.

Dược liệu: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Thực vật dược)

Nội dung: Môn học trang bị kiến thức về: Các khái niệm, cấu trúc và phân loại, phương pháp kiểm định, chiết xuất, định tính của các nhóm hoạt chất thường gặp trong dược liệu (carbohydrat, glycosid tim, saponosid, iridoid glycosid, flavonosid, anthranoid glycosid, coumarin, tanin, alcaloid, tinh dầu, chất béo).

Hóa dược: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Hóa phân tích)

Nội dung: Hoá Dược học là môn học bắt buộc, là một trong các môn chuyên ngành của ngành Dược. Hóa Dược cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân tích đặc điểm cấu trúc của các nhóm thuốc, tổng hợp và phân tích tính chất lý hóa của một số thuốc thông thường. Giúp sinh viên có những hiểu biết cơ bản về tổng hợp và kiểm nghiệm một số nguyên liệu làm thuốc, hiểu biết về mối liên quan giữa cấu trúc và tác dụng, biết cách sử dụng các thuốc thông thường và góp phần hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn hợp lý.

Thực vật dược – Thực hành: 1 (0, 30, 15)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Thực vật dược)

Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức các kiến thức về mô tả đặc điểm hình thái, cấu tạo giải phẫu của một số cơ quan thực vật. Bên cạnh đó, còn trang bị thêm các kiến thức và kỹ năng cơ bản về thực vật làm cơ sở cho việc nghiên cứu, sưu tầm, kiểm nghiệm.

Tiếng Anh chuyên ngành 1: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần này bao gồm các bài đọc hiểu có nội dung liên quan đến ngành dược: các thuật ngữ tương tác và phản ứng của thuốc; loại và dạng thuốc; các bệnh thông thường; một số loại thuốc quan trọng; chất khoáng; các chất dinh dưỡng và chất bổ sung.

Bào chế – Thực hành: 1 (0, 30, 15)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Bào chế)

Nội dung: Nghiên cứu về cơ sở lý thuyết và kỹ thuật thực hành về pha chế. Sản xuất, kiểm tra chất lượng, đóng gói. Bảo quản các dạng thuốc và các chế phẩm bào chế.

Dược liệu – Thực hành: 1 (0, 30, 15)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Dược liệu)

Nội dung: Môn học trang bị kiến thức, kỹ năng về: Cách thực hiện các phương pháp kiểm nghiệm, chiết xuất và định tính các nhóm hoạt chất bằng phản ứng hóa học, thử nghiệm vật lý, sắc ký lớp mỏng và vi học. Nhận biết và hướng dẫn sử dụng 100 vị thuốc thường dùng.

Hóa dược – Thực hành: 1 (0, 30, 15)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Hóa dược)

Nội dung: Thực hành Hóa Dược là một học phần trong môn học Hóa Dược, giúp sinh viên biết cách điều chế hoặc tinh chế một nguyên liệu làm thuốc (Hóa chất dược dụng) từ nguyên liệu thô (hóa chất công nghiệp hoặc tinh khiết); đồng thời biết cách kiểm nghiệm

sản phẩm đã điều chế theo tiêu chuẩn Dược điển. Thực hành Hóa Dược cũng giúp sinh viên biết cách sử dụng các phản ứng hóa học, các dụng cụ thiết bị trong phòng thí nghiệm để xác định một nguyên liệu làm thuốc. Qua đó rèn luyện tay nghề và rèn luyện tác phong thận trọng, chính xác, kiên trì và trung thực trong công việc.

Dược lý 1: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Hóa dược)

Nội dung: Học phần Dược lý 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức về các cơ chế tác dụng và yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc. Học phần này cũng giúp sinh viên phân loại một số nhóm thuốc cơ bản; tác dụng, cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn, chỉ định, chống chỉ định, liều lượng và cách dùng của một số thuốc trong nhóm thuốc tác dụng lên hệ thần kinh trung ương.

Pháp luật – Tổ chức quản lý dược: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Những kiến thức căn bản về pháp luật và pháp chế dược. Các qui định và qui chế chuyên môn trong hành nghề dược. Quan điểm của Đảng về công tác y tế.

Dược lý 2: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Dược lý 1)

Nội dung: Học phần Dược lý 2 cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về dược lý của các nhóm thuốc: Thuốc tác động trên tim-mạch, kháng sinh và hormon.

Dược lý 2 – Thực hành: 1 (0, 30, 15)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần thực hành dược lý cung cấp cho sinh viên những kỹ năng liên quan đến phân loại một số nhóm thuốc cơ bản; tác dụng, cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn, chỉ định, chống chỉ định, liều lượng và cách dùng của một số thuốc trong nhóm.

Kiểm nghiệm thuốc: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Hóa phân tích)

Nội dung: Môn học cung cấp kiến thức về nghiệp vụ kiểm nghiệm (gồm các kiến thức chuyên môn cần đạt đến trong lĩnh vực kiểm nghiệm: thẩm định các trang thiết bị để tiến hành xây dựng các tiêu chuẩn cơ sở để kiểm nghiệm các dạng nguyên liệu và dược phẩm); các phương pháp kiểm nghiệm và kiểm nghiệm các dạng bào chế cho các sinh viên Dược làm nền tảng giúp các sinh viên có kiến thức chuyên môn trong Kiểm nghiệm dược phẩm.

Kinh tế dược: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Các kiến thức căn bản để nhận biết được tình hình kinh tế dược hiện nay. Những quy định của nhà nước trong hoạt động kinh doanh dược phẩm.

Marketing dược: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Những kiến thức căn bản về marketing dược. Tiến trình quản trị thương hiệu. Chiến lược kinh doanh. Xây dựng và tổ chức một cơ sở kinh doanh thuốc.

Pháp chế dược: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Pháp chế xã hội chủ nghĩa và pháp chế dược. Các văn bản qui phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực hành nghề dược như Luật dược và các văn bản dưới luật khác. Pháp chế hành nghề dược bao gồm sản xuất, xuất nhập khẩu, bán buôn, bán lẻ và kiểm nghiệm thuốc.

Quản lý tồn trữ thuốc: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Các kiến thức về qui cách xây dựng kho thuốc. Những tiêu chuẩn thực hành tốt bảo quản thuốc. Các cách bảo quản các dạng thuốc chủ yếu trên thị trường hiện nay.

Đảm bảo chất lượng thuốc: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Bào chế)

Nội dung: Học phần gồm các bài lý thuyết và thực tập hướng về các hệ thống chất lượng được thiết lập hiện nay tại các công ty sản xuất dược phẩm.

Dược lâm sàng: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Dược lý 2)

Nội dung: Học phần Dược lâm sàng cung cấp cho sinh viên những kiến thức liên quan đến quá trình sử dụng thuốc như dược động học, phản ứng có hại của thuốc, dị ứng thuốc, tương tác thuốc. Sinh viên còn được cung cấp những kiến thức để phân tích và nhận định kết quả của một số xét nghiệm lâm sàng thông dụng, từ đó giúp tư vấn việc lựa chọn và sử dụng thuốc cho bệnh nhân.

Kiểm nghiệm thuốc – Thực hành: 2 (0, 60, 30)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Kiểm nghiệm thuốc)

Nội dung: Môn học cung cấp các kỹ năng về phương pháp kiểm nghiệm các dạng bào chế để từ đó đánh giá chất lượng thuốc cho các sinh viên Dược làm nền tảng giúp các sinh viên có kiến thức chuyên môn trong Kiểm nghiệm dược phẩm.

Quản lý tồn trữ thuốc – Thực hành: 1 (0, 30, 15)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Quản lý tồn trữ thuốc)

Nội dung: Các kiến thức về qui cách xây dựng kho thuốc. Những tiêu chuẩn thực hành tốt bảo quản thuốc. Các cách bảo quản các dạng thuốc chủ yếu trên thị trường hiện nay.

Quản trị kinh doanh dược: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Kinh tế dược)

Nội dung: Đại cương về quản trị học, các phương pháp phân tích môi trường kinh doanh, các loại hình doanh nghiệp Dược. Vai trò của nhà quản trị trong doanh nghiệp Dược. Những hình thức cơ cấu tổ chức cơ bản và các hoạt động của Doanh nghiệp Dược. Những

quy định của ngành trong thực hành tốt liên quan đến doanh nghiệp Dược (GMP, GLP, GSP, GDP).

Chuyên đề Bào chế: 2 (30, 0,60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần chuyên đề Bào chế cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về đặc điểm, thành phần công thức, kỹ thuật bào chế 1 sản phẩm được chọn.

Chuyên đề Dược lâm sàng: 2 (30, 0,60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Dược lâm sàng)

Nội dung: Học phần Chuyên đề Dược lâm sàng cung cấp cho sinh viên những kiến thức liên quan đến quá trình sử dụng thuốc, phác đồ điều trị các bệnh cơ bản. Sinh viên còn được cung cấp những kiến thức để phân tích và nhận định kết quả của một số xét nghiệm lâm sàng thông dụng, từ đó giúp tư vấn việc lựa chọn và sử dụng thuốc cho bệnh nhân.

Chuyên đề Dược lý: 2 (30, 0,60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Dược lý 2)

Nội dung: Học phần Chuyên đề Dược lý cung cấp cho sinh viên kiến thức về các cơ chế tác dụng và yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc. Học phần này cũng giúp sinh viên phân loại một số nhóm thuốc cơ bản; tác dụng, cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn, chỉ định, chống chỉ định, liều lượng và cách dùng của một số thuốc cơ bản.

Chuyên đề Hóa dược: 2 (30, 0,60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Chuyên đề Hóa Dược 1: Sự phân hủy thuốc dưới tác động của môi trường nêu lên: Những tác động của môi trường như: nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, không khí và nồng độ oxygen, nồng độ ion kim loại và pH của môi trường lỏng . . . làm biến đổi hình thức cảm quan và chất lượng thuốc. Nhiều quá trình hóa học xảy ra rất phức tạp, gắn liền với các tác động của môi trường trên, làm thuốc bị phân hủy, làm biến đổi và giảm hoạt tính. Trong đó các phản ứng thường xảy ra nhất là : thủy phân hóa, oxy hoá và quang phân, racemic hóa và trùng hợp hóa. . . ., Những kiến thức bổ xung này nhằm giúp SV tăng cường hiểu biết chuyên môn, tăng khả năng thích ứng và có thể vận dụng được trong thực tế ngành nghề sau khi tốt nghiệp.

Chuyên đề Kiểm nghiệm: 2 (30, 0,60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Môn học cung cấp cho Sinh viên Dược các kiến thức về mỹ phẩm, phương pháp đánh giá chất lượng một mỹ phẩm và các quy chế, quy định của ngành Y tế Việt Nam về thông tin, quảng cáo, tư vấn sử dụng mỹ phẩm.

Chuyên đề Pháp chế dược: 2 (30, 0,60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Pháp chế xã hội chủ nghĩa và pháp chế được. Các văn bản qui phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực hành nghề được như Luật được và các văn bản dưới luật khác. Pháp chế hành nghề được bao gồm sản xuất, xuất nhập khẩu, bán buôn, bán lẻ và kiểm nghiệm thuốc.

Phương pháp nghiên cứu được liệu: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Được liệu)

Nội dung: Học phần Phương pháp nghiên cứu được liệu cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng về phân biệt, chống nhầm lẫn được liệu, các phương pháp chiết xuất, sắc ký thường dùng trong nghiên cứu được liệu, xây dựng và kiểm nghiệm tiêu chuẩn được liệu.

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Trần Ái Cẩm

**TRƯỞNG PHÒNG
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO**

ThS. Nguyễn Lan Phương

TRƯỞNG KHOA

GS.TS. Nguyễn Văn Thanh

